TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 118**/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 20-02-2019
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.
Các Thẩm phán: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.
Bà Ngô Thị Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Vĩnh Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 15/2019/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình số 859/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 320/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lương Vĩnh Q**, sinh năm 1972; nơi đăng ký thường trú: Số X đường D, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị Bích K**, sinh năm 1972; nơi đăng ký thường trú: Số X đường D, Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số X1 ấp A, xã L, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Lương Vĩnh Q trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Bích K tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X2 ngày 22 tháng 3 năm 2004, do Ủy ban nhân dân Phường P, Quận Q,

Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Quá trình chung sống, bà K tự ý vay mượn tiền dẫn đến vợ chồng ông thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc giữa hai người ngày càng trầm trọng và không thể hàn gắn được. Khoảng tháng 9 năm 2017 bà K bỏ nhà đi đâu không rõ, hai người sống ly thân đến nay. Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà Nguyễn Thị Bích K do vợ chồng ông không thể hàn gắn, đoàn tụ được nữa.

Về con chung: Giữa ông và bà Nguyễn Thị Bích K có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc M, giới tính: Nữ, sinh năm 2000, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa ông và bà Nguyễn Thị Bích K không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết sơ thẩm vụ án.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 859/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018, Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Vĩnh Q: Ông Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị Bích K.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 12 năm 2018 bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm vì ông Lương Vĩnh Q khởi kiện ly hôn mà không cho bà biết, bà mong muốn được hàn gắn, đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bà do bà không đồng ý ly hôn, mong ông Q cho bà thời gian và cơ hội để cùng nhau hàn gắn, đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc.

Nguyên đơn ông Lương Vĩnh Q không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K vì giữa ông và bà K đã mâu thuẫn ở mức độ trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xung đột; do bà K tự ý bỏ nhà đi, không quan tâm đến gia đình và vay mượn nợ bên ngoài nên hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Quan hệ hôn nhân giữa ông và bà K

không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ, ông kiên quyết yêu cầu được giải quyết cho ly hôn với bà K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định là hợp lệ; Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Căn cứ vào lời trình bày của phía nguyên đơn và kết quả xác minh tại địa phương, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tình trạng hôn nhân giữa ông Q và bà K đã ở mức độ trầm trọng, hai người không còn chung sống trong thời gian dài, vợ chồng thường xuyên cãi vã và giải quyết cho ly hôn là có cơ sở. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K kháng cáo không đồng ý ly hôn nhưng không trình bày được lí do và không đưa ra được phương án hòa giải để được xem xét chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K làm trong thời hạn luật định phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lương Vĩnh Q và bà Nguyễn Thị Bích K tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X2 ngày 22 tháng 3 năm 2004 do Ủy ban nhân dân Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp được xác định là hôn nhân hợp pháp. Ông Q cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà K không hạnh phúc và không thể tiếp tục duy trì nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà K.

Trên cơ sở nhận định quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà K không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ; việc bà K vắng mặt trong quá trình giải quyết sơ thẩm vụ án là không còn ý định đoàn tụ vợ chồng, từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết cho ly hôn.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K kháng cáo không đồng ý ly hôn vì bà mong muốn được cùng ông Q hàn gắn, đoàn tụ gia đình.

Xét, qua lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì cuộc sống hôn nhân giữa ông Lương Vĩnh Q và bà Nguyễn Thị Bích K không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã do mâu thuẫn về vấn đề tài chính. Năm 2017 bà K tự ý bỏ nhà đi mà không thông báo cho ông Q, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng sống ly thân; những điều này thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K kháng cáo yêu cầu không giải quyết cho ly hôn để vợ chồng có cơ hội và thời gian hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng không đưa ra được phương án hòa giải cụ thể để ông Q chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho ly hôn là có cơ sở, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[2] Về con chung: Giữa ông và bà Nguyễn Thị Bích K có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc M, giới tính: Nữ, sinh năm 2000, đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 148 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K vì làm trong thời hạn luật định.

II. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 859/2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Vĩnh Q:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Vĩnh Q được ly hôn bà Nguyễn Thị Bích K. Giấy chứng nhận kết hôn số X2 ngày 22 tháng 3 năm 2004, do Ủy ban nhân dân Phường P, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giữa ông Lương Vĩnh Q và bà Nguyễn Thị Bích K có 01 người con chung là Nguyễn Ngọc M, giới tính: Nữ, sinh năm 2000, đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lương Vĩnh Q phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0016219 ngày 23 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí mà bà K đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0016710 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND Quận Q, Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận Q, Tp. HCM;
- UBND Phường P, Quận Q, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn